TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN D** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 17/2018/HNGĐ-ST Ngày 31-7-2018 V/v ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN D, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lương Thị Thùy

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Quang Thương

Bà Phạm Thị Hằng

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Dung - Thư ký Toà án nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận D thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Đậm - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 35/2018/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2018 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2018/QĐXX-ST ngày 06 tháng 7 năm 2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 25/2018/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Đỗ Văn T, sinh năm 1971; nơi cư trú: Khu T, phường H, quận D, thành phố Hải Phòng. Có mặt.

- *Bị đơn:* Chị Trần Thị V, sinh năm 1974; ĐKHKTT: Khu Tiểu Trà, phường H, quận D, Hải Phòng; nơi sinh sống: Khu T, phường A, quận D, thành phố Hải Phòng. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02/3/2018, bản tự khai và trong quá trình chuẩn bị xét xử, nguyên đơn là anh Đỗ Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Trần Thị V xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, được gia đình hai bên tổ chức cưới theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn ngày 08/12/1995 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Kiến Thụy (nay là phường H, quận D), thành phố Hải Phòng. Sau khi cưới vợ chồng chung sống cùng gia đình chồng ở khu T, phường H, quận D. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, hay xảy ra cãi vã, dẫn đến tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, không còn niềm tin, sự chia sẻ dành cho nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Từ tháng 9/2016 chị V cùng các con đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở Anh Dũng, D sinh sống, vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị V.

Về con chung: Anh và chị V có 02 con chung là Đỗ Thị Phương T, sinh ngày 18/8/1996 và Đỗ Thị L, sinh ngày 23/4/1998. Khi ly hôn các cháu đã thành niên nên không đặt ra vấn đề giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai đề ngày 17/4/2018, bị đơn chị V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân*:* Chị xác nhận về thời gian kết hôn cũng như quá trình chung sống và con chung như anh T trình bày là đúng. Mâu thuẫn vợ chồng là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Nay anh T làm đơn xin ly hôn, chị đồng ý.

Về nuôi con chung: Chị xác nhận vợ chồng có 02 con như anh T trình bày. Các con đã thành niên nên không phải giải quyết.

Về tài sản chung: Chị yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại Biên bản xác minh về mâu thuẫn vợ chồng tại chính quyền địa phương xác định: Anh T và chị V xảy ra mâu thuẫn đã lâu, từ khoảng năm 2016 đến nay anh T và chị V không sinh sống cùng nhau.

Trong quá trình tòa án giải quyết vụ án, tại phiên họp tiếp cận chứng cứ và hòa giải ngày 17/4/2018 thì về quan hệ vợ chồng: Anh Đỗ Văn T và chị Trần Thị V xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Đỗ Thị Phương T, sinh ngày 18/8/1996 và Đỗ Thị L, sinh ngày 23/4/1998 (đã thành niên) không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí: Anh T tự nguyện nộp cả án phí ly hôn sơ thẩm. Về tài sản chung: Anh T không yêu cầu tòa án giải quyết, chị V yêu cầu Tòa án chia tài sản chung vợ chồng.

Ngày 27/4/2018 chị V có đơn yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng. Tòa án đã ra thông báo nộp tạm ứng án phí chia tài sản chung vợ chồng và nêu rõ hậu quả của việc không nộp tạm ứng án phí cho chị V, đã hết thời hạn chị V không nộp lại biên lai nộp tiền tạm ứng án phí cho Tòa án.

Tại phiên tòa hôm nay, anh T vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị ly hôn chị V; chị V cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chấp nhận ly hôn.

Về con chung: Các con đã thành niên nên anh T và chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết, chị V trình bày tại giai đoạn chuẩn bị xét xử chị yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng nhưng sau đó có sự bàn bạc, thống nhất với với các con không yêu cầu chia tài sản nên chị không nộp tạm ứng án phí để yêu cầu chia tài sản nữa và tại phiên tòa hôm nay chị không yêu cầu tòa án chia tài sản chung.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận D thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án và ý kiến về việc giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về con chung: Các con đã trưởng thành nên không phải xem xét giải quyết. Về tài sản và công nợ chung anh T không yêu cầu, chị V yêu cầu nhưng không nộp tạm ứng án phí, tại phiên tòa hôm nay chị V cũng không yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng*:*

[1] Anh T có đơn đề nghị Tòa án nhân dân quận D giải quyết ly hôn với chị V đang sinh sống tại khu T, phường A, quận D, thành phố Hải Phòng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng.

[2] Chị Trần Thị V đã được Tòa án nhân dân quận D tống đạt các văn bản tố tụng, Tòa án đã quyết định đưa vụ án ra xét xử vào hồi 8h ngày 24/7/2018 và tống đạt hợp lệ cho chị V nhưng chị V vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất không có lý do. Do đó, Tòa án đã hoãn phiên tòa và ấn định thời gian mở phiên tòa vào hồi 8h ngày 31/7/2018.

- Về quan hệ hôn nhân:

[3] Anh Đỗ Văn T và chị Trần Thị V xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định Luật Hôn nhân và Gia đình. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

[4] Quá trình chung sống, anh T và chị V phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng vợ chồng bất đồng quan điểm sống, hay xảy ra cãi vã, dẫn đến tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, không còn niềm tin, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc hiện nay cả hai đã sống ly thân, không còn sự quan tâm tới nhau. Chị V cũng xác định tình cảm không còn, chị đồng ý ly hôn. Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình: *"1. Vợ chồng có nghĩa vụ*

thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. 2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác". Như vậy, có thể thấy, quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị V đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu của anh T về việc xin ly hôn chị V là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên cần chấp nhận.

- Về con chung:

[5] Hội đồng xét xử xét thấy, anh T và chị V có 02 con chung, các cháu đã thành niên, nên không phải xem xét giải quyết.

- Về tài sản và công nợ chung:

[6] Anh T, chị V không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về án phí:

[7] Anh Đỗ Văn T là nguyên đơn trong vụ án ly hôn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Về quyền kháng cáo:

[8] Anh T và chị V được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Đỗ Văn T và chị Trần Thị V.

3. Về án phí: Anh Đỗ Văn T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000(Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0014099 ngày 10/4/2018, tại Chi cục Thi hành án Dân sự quận D, thành phố Hải Phòng.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Đỗ Văn T và chị Trần Thị V có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
-VKSND quận D;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- Chi cục THADS quận D;
- UBND phường H, quận D, HP (số 54/1995);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

Lương Thị Thùy